

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2021/DS-ST
Ngày: 14 - 7 - 2021
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Quân.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

- Vào ngày 25/4/2019ÂL bà S có làm đầu thảo dây hụi 1.000.000 đồng/1 phần, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 20 thành viên, dây hụi này vợ chồng ông

G và bà T tham gia 03 phần. Khi họp đồng góp hụi thì hai bên không có làm văn bản họp đồng, nhưng bà S có mở sổ theo dõi hụi khui hàng tháng.

Sau khi hụi khui vợ chồng ông G và bà T lĩnh đầu 01 phần số tiền lĩnh được là 11.400.000 đồng, hụi khui kỳ thứ 02 vợ chồng ông G và bà T tiếp tục lĩnh phần hụi thứ 02 số tiền lĩnh được là 11.400.000 đồng, đến kỳ thứ 03 vợ chồng ông G và bà T tiếp tục lĩnh phần hụi thứ 03 số tiền lĩnh được là 11.230.000 đồng. Sau khi lĩnh hết 03 phần hụi thì vợ chồng ông G và bà T có góp tiền hụi chết hàng tháng cho bà S đến kỳ thứ 9, thì vợ chồng ông G và bà T ngưng không góp hụi chết cho bà S nữa, nên bà Sáu đã ra tiền góp hụi chết thay cho vợ chồng ông G và bà T hàng tháng đến ngày 25/11/2020 ÂL là 08 kỳ/03 phần với số tiền là 24.000.000 đồng.

- Vào ngày 20/6/2019 ÂL bà S có làm đầu thảo dây hụi 1.000.000 đồng/1 phần, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 18 thành viên, dây hụi này vợ chồng ông G và bà T tham gia 01 phần. Khi họp đồng góp hụi thì hai bên không có làm văn bản họp đồng, nhưng bà S có mở sổ theo dõi hụi khui hàng tháng.

Sau khi hụi khui vợ chồng ông G và bà T lĩnh hụi đầu số tiền lĩnh được là 11.500.000 đồng. Sau khi lĩnh hụi thì vợ chồng ông G và bà T có góp tiền hụi chết hàng tháng cho bà S đến kỳ thứ 9, thì vợ chồng ông G và bà T ngưng không góp hụi chết cho bà S nữa, nên bà S đã ra tiền góp hụi chết thay cho vợ chồng ông G và bà T hàng tháng đến ngày 20/11/2020 ÂL là 08 kỳ, mỗi kỳ 1.000.000 đồng, 08 kỳ là 8.000.000 đồng.

- Vào ngày 10/02/2019 ÂL bà S có làm đầu thảo dây hụi 1.000.000 đồng/1 phần, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 19 thành viên, vợ chồng ông G và bà T tham gia 02 phần. Khi họp đồng góp hụi thì hai bên không có làm văn bản họp đồng, nhưng bà S có mở sổ theo dõi hụi khui hàng tháng. Vợ chồng ông G, bà T lãnh hụi đầu tổng số tiền là 11.700.000 đồng, đến kỳ thứ 2 vợ chồng ông G, bà T tiếp tục lãnh hụi, số tiền lãnh được là 11.460.000 đồng, sau khi lãnh hụi vợ chồng ông G bà T góp đến kỳ thứ 10 thì không góp nữa vì vậy bà S góp thay cho vợ chồng ông G, bà T 08 kỳ/02 phần với số tiền 16.000.000 đồng.

- Vào ngày 30/11/2019 ÂL bà S có làm đầu thảo dây hụi 1.000.000 đồng/phần, hụi 01 tháng khui 01 kỳ, dây hụi có 22 thành viên, vợ chồng ông G, bà T tham gia 02 phần. Khi họp đồng góp hụi thì hai bên không có làm văn bản họp đồng, nhưng bà S có mở sổ theo dõi hụi khui hàng tháng, vợ chồng ông G, bà T lãnh hụi đầu tổng số tiền là 15.600.000 đồng, đến kỳ thứ 3 vợ chồng ông G, bà T tiếp tục lãnh hụi, số tiền lãnh được là 15.600.000 đồng, sau khi lãnh hụi vợ chồng ông G, bà T góp đến kỳ thứ 2 thì không góp nữa vì vậy bà S góp thay cho vợ chồng ông G, bà T là 09 kỳ/02 phần với số tiền 18.000.000 đồng.

Như vậy 04 dây hụi trên tính đến thời điểm khởi kiện bà S đã góp hụi chết thay cho vợ chồng ông G và bà T tổng số tiền là 66.000.000 đồng, từ đó cho đến nay vợ chồng ông G và bà T không trả tiền cho bà S.

Còn lại dây hụi ngày 30/11/2019 ÂL những kỳ hụi chết từ nay đến khi mãn hụi do chưa khui hụi nên bà S không biết vợ chồng ông G và bà T có góp hụi chết

cho bà S hay không, nếu vợ chồng ông G và bà T không góp hui chết mà bà S ra tiền góp hui thay cho vợ chồng ông G và bà T thì bà Sáu sẽ khởi kiện sau.

Nay bà Sáu yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà S số tiền nợ trong hợp đồng góp hui và tiền vay là 66.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả đủ một lần trong thời hạn 30 ngày.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng trình bày:* Ông G và bà T cùng thống nhất xác định ông G và bà T là thành viên tham gia 08 phần hui trong 04 dây hui do bà S làm chủ hui đúng như lời bà S đã trình bày, sau đó ông G và bà T đã lĩnh hết 08 phần hui này mà không góp hui chết lại cho bà S, hiện nay ông G và bà T còn nợ tiền hui của bà S với số tiền là 66.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình ông, bà gặp khó khăn ông, bà yêu cầu bà S cho ông bà trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Còn những phần hui từ ngày bà S khởi kiện về sau ông G và bà T sẽ cố gắng góp cho bà S.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 05/01/2021 của bà Nguyễn Thị S thì giữa bà S và ông G, bà T hợp đồng góp hui với nhau. Do ông G và bà T vi phạm hợp đồng không hoàn trả lại tiền bà S đã góp, nên bà S khởi kiện yêu cầu ông G và bà T cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả tiền hui. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là tranh chấp hợp đồng góp hui theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn G, bà Nguyễn Thị Ngọc T cùng trình bày: Bà S có làm chủ 04 dây hụi, ông G và bà T là thành viên tham gia 08 phần hụi trong 04 dây hụi này, ông G và bà T đã lĩnh hết 08 phần hụi, sau đó ông G và bà T không góp hụi chết lại cho bà S, nên bà S đã góp 08 phần hụi chết thay cho ông G và bà T đến ngày khởi kiện là ngày 25/11/2020 với số tiền là 66.000.000 đồng, từ đó đến nay ông G và bà T chưa hoàn trả cho bà S. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định hiện nay ông G và bà T còn nợ bà S số tiền hụi gốc của 04 dây hụi là 66.000.000 đồng. Còn lại những kỳ hụi chết từ ngày khởi kiện là ngày 25/11/2020 cho đến khi mãn hụi, tại phiên tòa hôm nay bà S không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.2] Xét về hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng: Mặc dù hợp đồng góp hụi giữa bà S và ông G, bà T không lập thành văn bản, nhưng bà S và ông G, bà T cùng thừa nhận có hợp đồng góp hụi với nhau, cụ thể bà S là chủ hụi, ông G và bà T là thành viên, do đó xác định đây là hợp đồng góp hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 6 và Điều 7 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biếu, phụng của Chính phủ. Bà S và ông G, bà T là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, khi giao kết hợp đồng đều hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên, đối tượng giao dịch được pháp luật cho phép, hình thức, nội dung và mục đích của hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận đây là hợp đồng góp hụi hợp pháp và giải quyết hậu quả phát sinh từ hợp đồng này theo quy định tại Điều 351 và Điều 385 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 16 và Điều 24 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biếu, phụng của Chính phủ.

[3.3] Xét về lỗi: Ông G và bà T là người có lỗi vì đã vi phạm nghĩa vụ không trả phần tiền hụi chết mà bà S đã góp thay cho ông G và bà T. Do đó, bà S yêu cầu ông G và bà T phải hoàn trả cho bà S số tiền hụi gốc 66.000.000 đồng, không tính lãi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 351 của Bộ luật Dân sự; Điều 16; Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số: 19/2006/NĐCP, ngày 19/02/2019 về họ, hụi, biếu, phụng của Chính phủ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử buộc ông G và bà T cùng liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho bà S số tiền 66.000.000 đồng.

[4] Đối với ý kiến của ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc T xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 351, khoản 2 Điều 357; Điều 385; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, Điều 6 và Điều 7 Điều 16; Điều 17 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền là 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003098 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thị Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hường